

PHỤ LỤC 01: MẪU THUYẾT MINH ĐƠN GIÁ CHI TIẾT THEO THÁNG

STT	Danh mục dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá theo 12 tháng	Đơn giá theo tháng	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = 12 * (6)	(6)	(7)	(8)
1	Kênh riêng liên tỉnh luồng E1 kết nối Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh, tốc độ 2Mbps, cách vùng	2	Kênh			Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh	
2	Kênh riêng liên tỉnh luồng E1 kết nối Hà Nội - TP Đà Nẵng, tốc độ 2Mbps, cận vùng	1	Kênh			Hà Nội, Đà Nẵng	
3	Kênh riêng liên tỉnh luồng E1 kết nối TP. Hồ Chí Minh - TP Đà Nẵng, tốc độ 2Mbps, cận vùng	1	Kênh			TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng	
4	Kênh Metronet nội hạt Hà Nội, tốc độ 10Mbps	2	Kênh			Hà Nội; Kết nối Số 5 Ông Ích Khiêm, số 2 Hoàng Cầu	
5	Kênh thuê riêng nội hạt tại Hà Nội, tốc độ 2Mbps	1	Kênh			Hà Nội; Kết nối Số 5 Ông Ích Khiêm - 57 Huỳnh Thúc Kháng (Trung kế kết nối Viettel)	
6	Kênh thuê riêng nội hạt tại Hà Nội, tốc độ 2Mbps	1	Kênh			Hà Nội; Kênh dự phòng kết nối Số 5 Ông Ích Khiêm - 57 Huỳnh Thúc Kháng	
7	Kênh Metronet nội hạt Hà Nội, tốc độ 01Mbps	1	Kênh			Hà Nội; Kết nối Cục BĐTW số 1A Quan Hoa - Toà nhà VNTA số 68 Dương Đình Nghệ	

8	Kênh cáp quang nội hạt tại Hà Nội	1	Kênh			Hà Nội; Kết nối số 5 Ông Ích Khiêm - 35 Ngô Quyền	
9	Kênh cáp quang thuê bao nội hạt tại Hà Nội (9480)	1	Kênh			Hà Nội; Kết nối 5 Ông Ích Khiêm - D29 Trần Thái Tông	
10	Kênh cáp quang thuê bao nội hạt tại Hà Nội (4900)	1	Kênh			Hà Nội; Kết nối 35 Ngô Quyền - 4 Thiên Quang	
11	Kênh thuê riêng nội hạt tại Huế 2Mbps	1	Kênh			Huế; Kênh thuê riêng nội hạt luồng E1 Lăng Cô - TP. Huế (Sợi quang). Kết nối Khu nghỉ dưỡng Lăng Cô - TP. Huế (Tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế)	
12	Tuyến công bề 35 Ngô Quyền đến 51 Ngô Quyền	300	Mét			Hà Nội	
13	Tuyến công bề 35 Ngô Quyền đến 5 Ông Ích Khiêm	3.000	Mét			Hà Nội	
14	Tuyến công bề 35 Ngô Quyền đến Bà Triệu	750	Mét			Hà Nội	
15	Tuyến công bề 35 Ngô Quyền đến Tràng Tiền + Phạm Ngũ Lão	650	Mét			Hà Nội	
16	Tuyến công bề 35 Ngô Quyền đến 27 Trần Hưng Đạo	600	Mét			Hà Nội	
17	Tuyến công bề 35 Ngô Quyền đến 5 Lý Thường Kiệt	500	Mét			Hà Nội	

18	Tuyến công bê 35 Ngô Quyền đến 46 Tràng Thi	1.600	Mét			Hà Nội	
19	Tuyến công bê 35 Ngô Quyền đến Bộ Tài Chính - 28 Trần Hưng Đạo	350	Mét			Hà Nội	
20	Tuyến công bê 35 Ngô Quyền đến báo Nhân Dân 71 Hàng Trống	1.700	Mét			Hà Nội	
21	Tuyến công bê Trạm RSU3 số 5 Ông Ích Khiêm đi Ngã Tư Giảng Võ - Đê La Thành	1.200	Mét			Hà Nội	
22	Tuyến công bê Cục BĐTW Quan Hoa - Nguyễn Khang - Trần Duy Hưng - Phạm Hùng	2.324	Mét			Hà Nội	
23	Tuyến công bê số 95 Phạm Hùng - Đỗ Đức Dục - Cung triển lãm Quốc Gia	1.732	Mét			Hà Nội	
24	Tuyến công bê Cục BĐTW Quan Hoa - đường Bưởi - Đội Cấn - 5 Ông Ích Khiêm	4.517	Mét			Hà Nội	
25	Tuyến công bê Cục BĐTW Quan Hoa -Đường Láng - Nguyễn Chí Thanh - VTN 57 Huỳnh Thúc Kháng	2.924	Mét			Hà Nội	
26	Tuyến công bê Cục BĐTW Quan Hoa - VTHN (Đài Viễn thông Hà Nội) 165 Cầu Giấy	450	Mét			Hà Nội	
27	Tuyến công bê Trần Quốc Toản: Từ ngã 3 Đoàn Công Bửu - Trần Quốc Toản đến Trần Quốc Thảo	232	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
28	Tuyến công bê Trần Quốc Toản: Từ ngã 3 Đoàn Công	264	Mét			TP. Hồ Chí Minh	

	Bừu - Trần Quốc Toàn đến Trần Quốc Thảo						
29	Tuyến công bê Trần Quốc Thảo: Từ ngã 3 Trần Quốc Toàn - Trần Quốc Thảo đến Lý Chính Thắng	347	Mét				TP. Hồ Chí Minh
30	Tuyến công bê Trần Quốc Thảo : Từ Võ Thị Sáu đến ngã 3 Trần Quốc Toàn - Trần Quốc Thảo	69	Mét				TP. Hồ Chí Minh
31	Tuyến công bê Võ Thị Sáu: Từ Trần Quốc Thảo đến Lê Quý Đôn	232	Mét				TP. Hồ Chí Minh
32	Tuyến công bê Lê Quý Đôn: Từ Võ Thị Sáu đến Điện Biên Phủ	255	Mét				TP. Hồ Chí Minh
33	Tuyến công bê Lê Quý Đôn: Từ Điện Biên Phủ đến Nguyễn Đình Chiểu	349	Mét				TP. Hồ Chí Minh
34	Tuyến công bê Lê Quý Đôn: Từ Nguyễn Đình Chiểu đến Nguyễn Thị Minh Khai	359	Mét				TP. Hồ Chí Minh
35	Tuyến công bê Nguyễn Đình Chiểu : Từ Lê Quý Đôn đến 79 Nguyễn Đình Chiểu	102	Mét				TP. Hồ Chí Minh
36	Tuyến công bê Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Võ Thị Sáu đến 165 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	180	Mét				TP. Hồ Chí Minh
37	Tuyến công bê Võ Thị Sáu đến 165 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	180	Mét				TP. Hồ Chí Minh
38	Tuyến công bê Võ Thị Sáu: Lê Quý Đôn đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa	160	Mét				TP. Hồ Chí Minh

39	Tuyến công bẻ Võ Thị Sáu: Lê Quý Đôn đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa	160	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
40	Tuyến công bẻ Nam Kỳ Khởi Nghĩa: Từ Võ Thị Sáu đến Trần Quốc Toản	255	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
41	Tuyến công bẻ Nam Kỳ Khởi Nghĩa: Trần Quốc Toản đến Lý Chính Thắng	370	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
42	Tuyến công bẻ Nam Kỳ Khởi Nghĩa: Từ Lý Chính Thắng đến Trần Huy Liệu	1.373	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
43	Tuyến công bẻ (137 Paster - Nguyễn Thị Minh Khai - Lê Quý Đôn - Hội trường Thống nhất)	977	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
44	Tuyến công bẻ số 1 Đoàn Công Bưu đến 137 Paster	1.292	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
45	Tuyến công bẻ 125 Hai Bà Trưng đến 7 Lê Duẩn	715	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
46	Tuyến công bẻ 1 Đoàn Công Bưu đến 7 Lê Duẩn	3.200	Mét			TP. Hồ Chí Minh	
47	Tuyến công bẻ 256 Hồ Ngọc Lãm đến 106 Hồ Ngọc Lãm	590	Mét			TP. Hồ Chí Minh	